TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 11 – 8 - 2020.
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Nhất Kỳ D, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp Đạ T, xã Đạ Đ, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Nh, xã Châu Kh, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 12/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Cao Nhất Kỳ D trình bày:

Vào năm 2018, bà và ông Nguyễn Thanh Ph có kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông Ph thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con, trong cuộc sống vợ chồng bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cải nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Ph.

Trong thời gian chung sống ông bà có một người con tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/8/2019, hiện nay cháu Tr đang sống với bà. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình chung sống bà và ông Ph không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh Ph trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thủ tục kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay trước yêu cầu của bà D, ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Cao Nhất Kỳ D vì ông hứa sẽ thay đổi để chăm sóc gia đình, bản thân ông còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Nếu như ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/8/2019 và không yêu cầu bà Cao Nhất Kỳ D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống ông và bà D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Nhất Kỳ D.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/8/2019 cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng và ông Ph không cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà D và ông Ph xác định trong thời gian chung sống ông, bà không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà D và ông Ph xác định trong thời gian chung sống ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Cao Nhất Kỳ D vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D.

[2] Về hôn nhân: Bà Cao Nhất Kỳ D và ông Nguyễn Thanh Ph có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã Châu Khánh. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định từ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Nhất Kỳ D và ông Nguyễn Thanh Ph là hợp pháp.

Bà Cao Nhất Kỳ D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Ph, ông Nguyễn Thanh Ph không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu của bà Cao Nhất Kỳ D Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống, ông Nguyễn Thanh Ph không lo chăm sóc cho gia đình. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý cho ông Ph, tiến hành hòa giải nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh ngày 14/7/2020 về tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông Ph của Tòa án nhân dân huyện Long Phú. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Cao Nhất Kỳ D và ông Nguyễn Thanh Ph đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông Ph.

[3] Về con chung: Bà Cao Nhất Kỳ D và ông Nguyễn Thanh Ph đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/8/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Ph khẳng định cháu Tr là con chung của ông và bà D, từ khi ly thân đến nay cháu Tr do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Tr dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ và bà D có điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Tr. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Tr, nhận thấy cần tiếp tục giao cháu Tr cho bà D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cũng phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Tr.

Ông Nguyễn Thanh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/8/2019 mà không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Cao Nhất Kỳ D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thanh Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/8/2019 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Cao Nhất Kỳ D không yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Cao Nhất Kỳ D và ông Nguyễn Thanh Ph xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bà Cao Nhất Kỳ D phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Thanh Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Cao Nhất Kỳ D và ông Nguyễn Thanh Ph được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Cao Nhất Kỳ D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/8/2019. Ông Nguyễn Thanh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/8/2019 mà không ai được cản trở. Bà Cao Nhất Kỳ D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thanh Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh Tr.

3. Ông Nguyễn Thanh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Cao Nhất Kỳ D không yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Nhất Kỳ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0003669 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long

Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Cao Nhất Kỳ D đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã Châu Kh
- Chi cục T.H.A DS huyện L;
- Lưu (HS, VP).

Dương Thị Thanh Hoa